

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2025/DS-ST
Ngày: 18 – 12– 2025.
“ *V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Du**.

Bà **Đặng Thị Lệ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2025/TLST - DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2025/QĐXX-ST ngày 01/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị B** – sinh năm: 1955 (vắng).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị B là chị Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh năm: 1989 (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2025) (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị A** – sinh năm: 1968 (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2025; đơn yêu cầu rút lại một phần đơn khởi kiện ngày 25/8/2025, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Ngô Thị B do chị Nguyễn Thị Huỳnh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Ngô Thị B là hụi viên có tham gia hụi do bà Trần Thị A làm đầu thảo hụi, cụ thể như sau:

* Dây hụi thứ 1: Hụi lúa nhưng quy ra tiền là 5.000.000đ, mở hụi ngày 29/01/2017 âm lịch (nhằm ngày 25/02/2017 dương lịch) mãn hụi ngày 29/5/2022 âm lịch (nhằm ngày 27/6/2022 dương lịch), 04 tháng khai hụi 1 lần, có 17 phần, tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.500.000đ/lần khai hụi, bà B tham gia 01 phần. Bà B góp được 14 lần hụi (còn 3 phần hụi nữa là mãn hụi nhưng bà B đã thoả thuận với 02 hụi

viên còn lại là để bà B hốt hụi trước) nhưng vẫn tính là bà B được hốt hụi chót). Dây hụi này bà B hốt hụi được số tiền là 70.000.000đ, trừ tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.500.000đ, số tiền còn lại bà A phải giao cho bà B là 68.500.000đ. Đến tháng 10/2025 bà A đã trả tiền hụi cho bà B được số tiền là 10.000.000đ nên số tiền hụi còn lại bà A còn thiếu bà B là 58.500.000đ.

* Dây hụi thứ 2: Hụi lúa nhưng quy ra tiền là 2.000.000đ, mở hụi ngày 01/10/2014 âm lịch (nhằm ngày 22/11/2014 dương lịch), dây hụi này đã mãn hụi nhưng chị không nhớ ngày tháng năm mãn hụi, 04 tháng khai hụi 1 lần, có 18 phần, tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.000.000đ/lần khai hụi, bà B tham gia 01 phần. Bà B góp được 17 lần hụi. Dây hụi này bà B hốt hụi chót được số tiền là 32.500.000đ đã trừ tiền huê hồng cho đầu thảo. Sau đó bà A đã trả tiền hụi cho bà B được số tiền là 31.000.000đ, bà A còn nợ tiền hụi lại bà B là 1.500.000đ.

Tại đơn yêu cầu rút lại một phần đơn khởi kiện ngày 25/8/2025 của bà B và tại phiên tòa hôm nay chị xin rút lại một phần đơn khởi kiện đối với bà A, ông H về việc bà B yêu cầu bà A, ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi vốn là 10.000.000đ và tiền lãi hụi là 26.128.000đ cho bà B.

Nay bà Ngô Thị B yêu cầu bà Trần Thị A và ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà B số tiền nợ hụi là 60.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

*** Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị A vắng mặt nhưng tại bản khai ý kiến ngày 21/7/2025, trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Trần Thị A trình bày:**

Bà thống nhất theo lời trình bày của chị T là người đại diện theo ủy quyền của bà B. Bà có làm đầu thảo hụi của 02 dây hụi trên và bà B là hụi viên, bà thống nhất thừa nhận còn thiếu tiền nợ hụi của bà B là 70.000.000đ. Nay bà B yêu cầu bà và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà B số tiền nợ hụi là 70.000.000đ, không yêu cầu tính lãi thì bà đồng ý.

* Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà Ngô Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa bà B và bị đơn bà Trần Thị A. Bà Trần Thị A có nơi cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà A và ông H đến lần thứ hai nhưng bà A và ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà A, ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hụi giữa bà Ngô Thị B và bà Trần Thị A được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nay bà B do chị T đại diện theo ủy quyền yêu cầu bà A và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà B số tiền nợ hụi là 60.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà A và ông H vắng mặt. Xét đối với dây hụi thứ 1: Hụi lúa nhưng qui ra tiền là 5.000.000đ, mở hụi ngày 25/02(dl)/2017 mãn ngày 27/6(dl)/2022, 04 tháng khui hụi 1 lần, có 17 phần, bà B tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà B có số thứ tự 7 tên “Dì 3 Bé”. Bà B góp được 14 lần hụi. Dây hụi này bà B hốt được số tiền là 70.000.000đ, trừ tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.500.000đ, số tiền còn lại bà A phải giao cho bà B là 68.500.000đ. Đến tháng 10/2025 bà A đã trả tiền hụi cho bà B được số tiền là 10.000.000đ nên số tiền hụi còn lại bà A còn thiếu bà B là 58.500.000đ.

Dây hụi thứ 2: Hụi lúa nhưng qui ra tiền là 2.000.000đ, mở hụi ngày 22/11/2014 dương lịch, dây hụi này đã mãn hụi nhưng chị T không nhớ ngày tháng năm mãn hụi, 04 tháng khui hụi 1 lần, có 18 phần, bà B tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà B có số thứ tự 14 tên “Dì 3 Bé”. Bà B góp được 17 lần hụi. Dây hụi này bà B hốt chót được số tiền là 32.500.000đ, đã trừ tiền huê hồng cho đầu thảo. Sau đó bà A đã trả tiền hụi cho bà B được số tiền là 31.000.000đ, bà A còn nợ tiền hụi lại bà B là 1.500.000đ.

Xét thấy, cả hai dây hụi trên, bà B đã góp tiền hụi đầy đủ cho bà A. Tuy nhiên, đến khi bà B được lĩnh hụi thì bà A không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi, không giao tiền hụi cho bà B. Bà A đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi là giao tiền hụi cho hụi viên theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án bà A thống nhất với lời trình bày của chị T là người đại diện theo ủy quyền của bà B, bà A thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà B là 70.000.000đ và đồng ý trả tiền nợ hụi theo yêu cầu của bà B. Tại phiên tòa hôm nay chị T trình bày tháng 10/2025 bà A đã trả được 10.000.000đ tiền nợ hụi cho bà B nên bà A còn thiếu tiền nợ hụi lại bà B là 60.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H vắng mặt, không có ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu của bà B. Bà A là chủ thảo hụi, trực tiếp nhận tiền hụi của bà B. Tuy nhiên, vào thời gian bà A làm chủ thảo hụi có bà B tham gia hụi viên thì bà A và ông H là quan hệ vợ chồng hợp pháp, theo chị T trình bày tất cả các lần khui hụi thì đều khui hụi tại nhà của bà A đồng thời ông H biết việc bà A là

đầu thảo hội, có lần ông H còn đi gom hội đối với các hội viên khác. Cả hai dây hội mà bà B tham gia do bà A là đầu thảo hội đều là hội lúa, 04 tháng mới khai hội một lần do khai hội theo vụ lúa do đó một dây hội phải kéo dài thời gian. Đồng thời khi bà A là đầu thảo hội đều có thu tiền huê hồng để sử dụng tiền đó phục vụ chung cho gia đình. Do đó, buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà A trả tiền nợ hội cho bà B là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B do chị T đại diện theo ủy quyền. Do đó buộc bà A và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà B số tiền nợ hội là 60.000.000đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà B yêu cầu bà A và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn hội là 10.000.000đ và tiền lãi hội là 26.128.000đ cho bà B.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà A và ông H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị B do chị Nguyễn Thị Huỳnh T đại diện theo ủy quyền.

2. Buộc bà Trần Thị A và ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Ngô Thị B số tiền nợ hội là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Ngô Thị B về việc yêu cầu bà Trần Thị A và ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn hội là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi hội là 26.128.000đ (Hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) cho bà Ngô Thị B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị A và ông Huỳnh Văn H phải nộp án phí là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Ngô Thị Quyên

